

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2020/DS-PT

Ngày: 09 - 6 - 2020.

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Nguyễn Văn Tửu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 602/2019/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 980/2019/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 625/2020/QĐPT ngày 05 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng T (Nguyễn Tri Trong), sinh năm 1960

Địa chỉ: 2723 N 124TH CIR OMAHA, NE 68164, USA

Địa chỉ liên lạc: 17.5 Lô B, Chung cư Phú Mỹ Thuận, xã P, huyện N, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim Th, sinh năm 1982

Địa chỉ: 187/7 Đ, phường Đ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Lê Thị V, sinh năm 1963

Trụ sở: 13 đường số 3, Khu phố 6, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Dương Đức Tr.

Địa chỉ: Phòng 505A, tầng 5 – Nhà 6 tầng, tòa nhà F, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Tân D, sinh năm 1964

Địa chỉ: 187/7 Đ, phường Đ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

*Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện ngày 23/10/2018 của nguyên đơn và các bản tự khai do người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Năm 2001 và 2002 ông T cho vợ chồng ông Vũ Tân D và bà Lê Thị V mượn số tiền là 43.000 USD để làm ăn. Ngày 22/10/2016, ông D và bà V thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng với nội dung: bà V chịu trách nhiệm thanh toán cho ông T số nợ 43.000 USD nêu trên. Ông T biết và đồng ý thỏa thuận này. Sau đó bà V đã thanh toán cho ông T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng quy đổi theo tỷ giá 22.000 đồng/USD tương đương 31.818 USD. Ông T đã liên hệ và yêu cầu bà V thanh toán số tiền còn lại là 11.182 USD nhưng bà V không đồng ý. Nay ông T yêu cầu bà V trả số tiền 11.182 USD (được quy đổi theo giá Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử) tương đương 260.205.140 (hai trăm sáu mươi triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm bốn mươi) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

*Phía bị đơn bà Lê Thị V có người đại diện hợp pháp là bà Võ Nguyễn Bảo Trâm trình bày:*

Ông Nguyễn Trọng T là bạn của ông Vũ Tân D. Ông T định cư bên Mỹ. Mỗi lần về Việt Nam ông T đều đến thăm chơi nhà vợ chồng bà V. Vào năm 2001, ông T có bày tỏ thiện ý giúp cho vợ chồng ông D và bà V một số tiền để làm ăn. Việc ông T gửi tiền này bà V chưa bao giờ hỏi vay và ông T cũng chưa bao giờ nói là cho vay. Hay cho mượn mà chỉ nói là “chỗ tình cảm nên giúp đỡ”. Vài năm sau khi ông T trở lại Việt Nam và đến chơi nhà vợ chồng bà V ông D. Vợ chồng bà V có hỏi số tiền khi trước ông T giúp đỡ là bao nhiêu để vợ chồng bà V thu xếp trả thì ông T đều gạt đi và nói là cho vợ chồng bà V để xây nhà khi nào ông T về Việt Nam thì cho ông T ở ké một phòng cho tình cảm” và cũng từ đó ông T không bao giờ đề cập đến việc cho vay hay trả lại tiền vay, tuy nhiên bà V vẫn canh cánh về món nợ ân tình này.

Ngày 22/10/2016, ông D yêu cầu bà V chia tài sản chung và hai bên đã ký Văn bản thỏa thuận trong đó có nội dung ghi về khoản tiền 43.000 USD nợ ông T. Tại thời điểm thỏa thuận, bà V xác định không đồng ý khoản tiền này, nhưng do ông D tạo sức ép buộc bà V ký bản thỏa thuận. Do đó bà V có ký nháy tại phần số tiền này để có cơ hội làm rõ thêm, tuyệt đối không có ý xác nhận khoản tiền vốn dĩ không thuộc trách nhiệm của bà V. Đối với các khoản thỏa thuận khác bà V không ghi chú vì không có vướng mắc tương tự. Đến năm 2016, ông T bất ngờ gọi điện đòi bà V trả tiền. Khi bà V nhắc lại chuyện ngày trước đã trao đổi với ông T thì ông T gạt đi, yêu cầu bà V phải đưa tiền cho ông T. Mặc dù rất bất ngờ với yêu cầu của

ông T và không đồng ý việc có “vay” tiền của ông T nhưng bà V nghĩ đến ân tình trước đây nên vẫn chuyển cho ông T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Việc chuyển tiền ông T yêu cầu đưa cho ông D mà không trực tiếp đứng ra nhận. Nghĩ rằng sau khi chuyển tiền như vậy thì đã xong bà V không trao đổi thêm với ông T. Tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền này, ông T tiếp tục gọi điện yêu cầu bà V phải đưa cho ông T toàn bộ lãi suất vay trong thời hạn 15 (mười lăm) năm từ năm 2001 đến năm 2016 với số tiền khoản hơn 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Trước sự việc này, bà V vô cùng bức xúc, không đồng ý gửi thêm tiền cho ông T.

Nay nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nêu trên, bị đơn hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 980/2019/DS-ST ngày 14/8/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:***

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 128, Điều 137 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T (Nguyễn T Trong).

Buộc bà Nguyễn Thị V phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T (Nguyễn T Trong) số tiền 11.182 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 260.205.140 (hai trăm sáu mươi triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm bốn mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2019 bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án do tòa án sơ thẩm xét xử chưa khách quan, công bằng ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích của bị đơn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Người đại diện của bị đơn trình bày: Văn bản thỏa thuận lập ngày 22/10/2016 có nhiều nội dung trái pháp luật như: nhà xưởng, xe ô tô là tài sản cần được công chứng khi phân chia tài sản, hay tài sản của Công ty Cao Lầu phải được thực hiện tại Luật Doanh nghiệp, đối với các khoản nợ không có sự tham gia hay đồng ý của chủ nợ nhưng hai vợ chồng bà V lại tự thỏa thuận...

Trong nội dung giấy biên nhận do ông D nhận thay ghi nhận số tiền bà V trả cho ông T là 700.000.000 đồng nhưng lại tiếp tục xác định số nợ còn lại là 11.182 USD là ngoại hối là trái pháp luật dân sự. Bản án sơ thẩm tuyên bố giao dịch cho vay là vô hiệu nhưng chỉ xác định mỗi bà V phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay mà không đề cập đến ông D là không khách quan. Khi tuyên giao dịch vô hiệu nhưng không giải thích cho đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố vô hiệu nên bà V không đưa ra được yêu cầu phản tố là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Theo quy định khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu thì tòa án phải tuyên bà V và ông D cùng trả cho ông T 43.000 USD theo tỷ giá tại thời điểm xét xử mới đúng. Từ những vi phạm trên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào biên bản thỏa thuận hai bên ngày 22/11/2016 và thỏa thuận này cũng đang có hiệu lực pháp luật, chưa ai yêu cầu hủy văn bản này nên văn bản thỏa thuận là đúng pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Bản án tuyên hợp đồng vô hiệu nhưng là vô hiệu một phần về phần giao dịch ngoại tệ nhưng vẫn phải hoàn trả tiền đã vay cho ông T là đúng quy định. Căn cứ vào biên bản thỏa thuận ngày 22/11/2016 giữa ông D và bà V thừa nhận có nợ ông T và thừa nhận bà V có trách nhiệm trả nợ cho ông T, quan trọng hơn là sau khi thỏa thuận bà V đã thực hiện một phần thỏa thuận, hiện tại văn bản này vẫn có hiệu lực pháp luật, chưa có khiếu nại và chưa được khởi kiện gì. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo Điều 26, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Ông Nguyễn Trọng T yêu cầu buộc bà Lê Thị V trả số tiền ông đã cho vợ chồng bà V vay còn lại là 11.182 USD tương đương 262.777.000 đồng, hội đồng xét xử xét thấy:

Tại các bản tự khai hai bên thừa nhận vợ chồng bà V có nhận của ông T số tiền 43.000 USD. Văn bản thỏa thuận ngày 22/11/2016 giữa ông Vũ Tân D và bà Lê Thị V có nội dung: “*Bà V phải chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ của các cá nhân bao gồm...ông T (ở Mỹ) 43.000 USD (bốn mươi ba nghìn đô la Mỹ) từ năm 2001*”. Văn bản thể hiện ông D, bà V thỏa thuận bà V là người trực tiếp chịu trách nhiệm trả cho ông T số nợ 43.000 USD này. Sau khi ký văn bản thỏa thuận, bà V đưa ông D 700.000.000 đồng tương đương 31.818 USD để trả

ông T. Như vậy, việc ông T cho ông D, bà V vay tổng số tiền 43.000 USD vào năm 2001, năm 2002 là sự thật.

Xét thấy, văn bản này là sự tự nguyện không có sự ép buộc nào, ông D và bà V đều ký xác nhận vào từng trang của bản thỏa thuận. Phía bị đơn cũng xác nhận bà V và ông D đã thực hiện xong việc chuyển nhượng vốn góp, hiện bà V là chủ sở hữu Công ty Cao Lầu như trong nội dung của bản thỏa thuận. Như vậy, từ khi ký văn bản thỏa thuận ngày 22/10/2016 đến nay bà V và ông D đã và đang thực hiện các thỏa thuận trong văn bản này, giữa các bên không có tranh chấp khởi kiện gì. Văn bản hiện đang không có bất kỳ khiếu nại hay tranh chấp hay khởi kiện gì.

Xét, khoản tiền mà các bên cho nhau vay mượn là ngoại tệ: Do đó, các giao dịch giữa các cá nhân về việc vay ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam là trái với quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối vì hai bên không thuộc đối tượng được phép sử dụng ngoại tệ trong giao dịch dân sự. Vì vậy, giao dịch này bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại Điều 128 và Điều 135 của BLDS năm 2005.

Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu theo qui định tại Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì tòa án sơ thẩm buộc bà V phải hoàn trả cho ông T số tiền 11.182 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là  $(23.270 \text{ đồng/USD}) \times 11.182 \text{ USD} = 260.205.140$  (hai trăm sáu mươi triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm bốn mươi) đồng là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do vậy, hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

I/ Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 37, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 128, Điều 137 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng T (Nguyen T Trong).

Buộc bà Nguyễn Thị V phải hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T (Nguyen T Trong) số tiền 11.182 USD được quy đổi thành tiền đồng Việt Nam theo tỉ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 260.205.140 (hai trăm sáu mươi triệu hai trăm lẻ năm nghìn một trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền mà bà V phải trả cho ông T, thì hàng tháng bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm; Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.010.257 (mười ba triệu không trăm mười nghìn hai trăm năm mươi bảy) đồng.

Hoàn lại ông T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã đóng là 6.570.000 (sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0045878 ngày 21/12/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

II/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được khấu trừ vào biên lai số 0024451 ngày 16/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Dương sự (11)
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án (6) 23b (MTTT)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Huỳnh Thanh Duyên**

